

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày : 27 - 12- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quý Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Nghĩa;

2. Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Trúc, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/TLST- HS, ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2021/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Trọng T, sinh năm 1987 tại huyện T, tỉnh Bình Định; nơi cư trú thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị B (chết); vợ là Đinh Thị Tuyết N, có 02 con, đứa lớn sinh năm 2006, đứa nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Trương Thị Thủy T1, sinh năm 2001; nơi cư trú thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh T2, sinh năm 1995; nơi cư trú thôn B, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1988; nơi cư trú khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Người làm chứng

1. Chị Trương Thị Thanh T3, sinh năm 2002; nơi cư trú thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

2. Trương Thanh T4, sinh ngày 22/9/2006; nơi cư trú thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Trương Thanh T4: Cha, mẹ của Trương Thanh T4 đại diện theo pháp luật, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên vào khoảng 08 giờ 00 phút, ngày 02/8/2021 Trần Trọng T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu vàng- đen, biển kiểm soát 77G1-368.43 do T chủ sở hữu, đi dạo tìm tài sản để trộm cắp. Đến khoảng 09 giờ 00 cùng ngày, khi đi ngang qua nhà chị Trương Thị Thủy T1 bị cáo T nhìn thấy cửa sau nhà chị T1 mở nên dừng xe lại quan sát xung quanh thấy không có ai, T dựng xe bên đường phía sau nhà rồi lén lút đột nhập vào nhà chị T1 từ cửa sau. Sau khi vào được bên trong nhà, thấy có người đang nằm trên võng ở phòng khách không để ý, T đi vào phòng ngủ thì thấy trên bàn gỗ cạnh cửa ra vào có 04 chiếc điện thoại di động bao gồm: 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím, 01 điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh đen, 01 điện thoại di động hiệu Vivo 1906 màu xanh và 01 điện thoại di động ViVo 1606 màu vàng kim, T lấy 04 chiếc điện thoại di động bỏ vào túi quần rồi quay trở ra ngoài theo lối đã vào, rồi đến lấy xe mô tô điều khiển bỏ đi. Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo T kiểm tra thấy điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím bị khóa mật khẩu không mở được nên T đi đến tiệm điện thoại di động “Hồng P” ở thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định đưa máy cho ông Nguyễn Văn L, T nói với ông L là bị quên mật khẩu và yêu cầu mở khóa, cài đặt lại chương trình. Tiếp đến T tiếp tục mang chiếc điện thoại di động hiệu ViVo 1906 màu xanh không khóa màn hình đến tiệm điện thoại di động “Minh T2 APPLE” ở khu phố V, thị trấn D, huyện T, tỉnh Bình Định nói với ông Nguyễn Minh T2 là đang kẹt tiền nên bán điện thoại. Vì thấy T là người quen ở gần nhà, điện thoại T bán không có khóa nên ông T2 đồng ý mua với giá 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm nghìn đồng). Số tiền bán điện thoại có được, T đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 06/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước đã ra Quyết định tạm giữ 04 điện thoại di động mà T đã trộm cắp tại nhà chị Trương Thị Thủy T1. Theo Bản kết luận định giá tài sản số 147/KL-HĐ ngày 10/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tuy Phước kết luận 01 điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím có giá trị thành tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng); 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A12 màu xanh đen có giá trị thành tiền là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn đồng); 01 điện thoại di động hiệu ViVo 1906 màu xanh có giá trị thành tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) và 01 điện thoại di động Vivo 1606 màu vàng kim có giá trị thành tiền là 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng). Tổng giá trị của 04 điện thoại là 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm ngàn đồng).

Ngày 07/9/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 04 điện thoại di động cho chị Trương Thị Thủy T1, chị T1 không yêu cầu bồi thường gì về dân sự. Bị cáo T đã trả cho ông Nguyễn Minh T2 số tiền 1.400.000 đồng, ông T2 không yêu cầu bồi thường gì nữa.

Tại bản Cáo trạng số 68/CT-VKS-TP ngày 26 tháng 10 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định đã truy tố bị cáo Trần Trọng T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã hoàn trả lại 1.400.000 đồng tiền bán điện thoại cho ông Nguyễn Minh T2. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù.

Về bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius FI màu đen vàng, số máy E3T6E048357, số khung RLCUE 1710FY036104, biển kiểm soát 77G1-368.43 do bị cáo Trần Trọng T đứng tên sở hữu, tuy nhiên chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, khi sử dụng làm phương tiện vợ bị cáo không biết, bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung.

Bị cáo không tự bào chữa và không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử

xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt thấp nhất, để bị cáo có cơ hội lao động nuôi sống gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tuy Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Trọng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại về thời gian và tài sản bị mất trộm, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ xác định bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi biết rằng trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên vào khoảng 09 giờ ngày 02/8/2021 bị cáo đã sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 77G1-368.43 của mình đi dạo để tìm tài sản trộm cắp. Bị cáo quan sát thấy nhà bị hại Trương Thị Thủy T1 sơ hở nên đã lén lút đột nhập vào lấy trộm 04 chiếc điện thoại di động có tổng giá trị thành tiền là 9.300.000 đồng (chín triệu ba trăm ngàn đồng). Sau khi trộm cắp được tài sản, bị cáo T kiểm tra thấy điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím bị khóa mật khẩu không mở được nên đi đến tiệm điện thoại di động “Hồng P” đưa máy cho ông Nguyễn Văn L nói với ông L là bị quên mật khẩu và yêu cầu mở khóa, cài đặt lại chương trình; tiếp đến bị cáo mang chiếc điện thoại di động hiệu ViVo 1906 màu xanh không khóa màn hình đến tiệm điện thoại di động “Minh T2 APPLE” bán cho ông Nguyễn Minh T2 với giá 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng). Số tiền bán điện thoại có được, bị cáo đã tiêu xài cá nhân hết. Hành vi trên của bị cáo Trần Trọng T đã thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất của vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ,

làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Vì vậy, cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và lên một mức án tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra nhằm mục đích giáo dục, cải tạo bị cáo đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng trong vụ án này bị cáo không có tình tiết tăng nặng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Sau khi bị phát hiện bị cáo đã hoàn trả số tiền 1.400.000 đồng (một triệu bốn trăm ngàn đồng) là tiền bán điện thoại cho ông Nguyễn Minh T2, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt để tạo điều kiện cho bị cáo an tâm cải tạo, sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

[5] Về bồi thường thiệt hại: Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại 04 chiếc điện thoại di động cho chị Trương Thị Thủy T1, chị T1 không yêu cầu bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xét.

Bị cáo đã trả lại số tiền 1.400.000đ (một triệu bốn trăm ngàn đồng) là tiền bán điện thoại cho ông Nguyễn Minh T2. Ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với ông Nguyễn Minh T2, đã có hành vi mua chiếc điện thoại di động Vivo 1906 màu xanh do bị cáo T bán và ông Nguyễn Văn L có hành vi nhận mở khóa và cài đặt lại chương trình điện thoại di động hiệu OPPO Reno 2F màu xanh tím cho T. Tuy nhiên khi mua và nhận mở mở khóa, cài đặt điện thoại ông T2, ông L đều không biết các điện thoại này do T trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tuy Phước không xử lý hình sự đối với ông T2 và ông L là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự còn quy định hình phạt bằng tiền, nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius FI màu đen vàng, số máy E3T6E048357, số khung RLCUE 1710FY036104, biển kiểm soát 77G1-368.43 do bị cáo Trần Trọng T đứng tên chủ sở hữu, tuy nhiên đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, khi bị cáo sử dụng phạm tội vợ bị cáo không biết, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn chiếc xe này là phương tiện duy nhất của gia đình, xét thấy việc trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu cũng không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án

nên tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Trọng T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Trọng T 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả lại bị cáo Trần Trọng T 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius FI màu đen vàng, số máy E3T6E048357, số khung RLCUE 1710FY036104, biển kiểm soát 77G1-368.43.

Hiện vật chứng trên Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa Công an huyện Tuy Phước và Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Định.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/12/2021). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- VKSND huyện Tuy Phước;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT và CQ THAHS Công an H. Tuy Phước;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định;
- Phòng KTNV và THAHS TAND T. Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quý Phúc

